CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Nam Việt

Ngày 31/03/2025	19,250 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.4%	**2.1%**	**12.6%**

DT thuần
Q1/25
33.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.30| -3.8%
YoY: ▲ 24.2| 274%

LN thuần
Q1/25
2.85
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.29| -53.6%
YoY: ▲ 0.44| 18.1%

LN sau thuế
Q1/25
2.24
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.37| -60.1%
YoY: ▲ 0.31| 15.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
8.4%
YoY: +/-▼ 9.4%

ROE (TTM)
Q1/25
17.9%
YoY: +/-▲ 1.0%

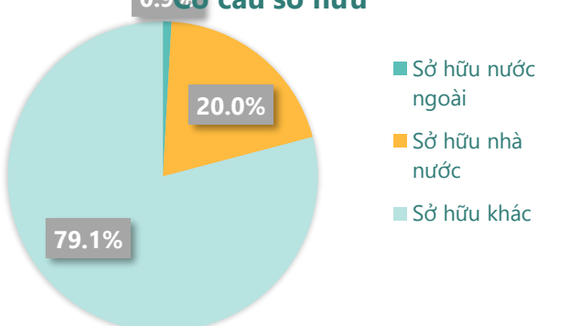
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,510 - 20,455
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	154
Số lượng CPLH (CP)	7,999,980
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,010
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	
EPS	2,434
P/E	7.9

DT thuần
2024
106
tỷ VNĐ
YoY: ▼23.0| -17.9%

LN thuần
2024
21.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.70| -7.4%

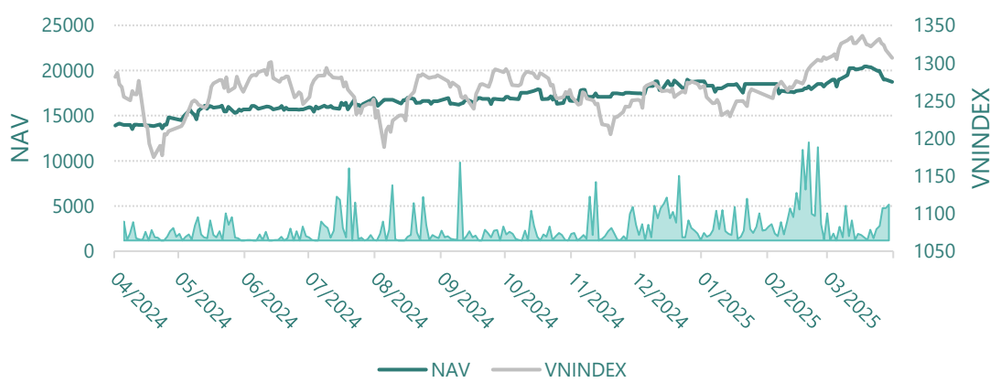
LN sau thuế
2024
19.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.00| -9.3%

Cơ cấu sở hữu

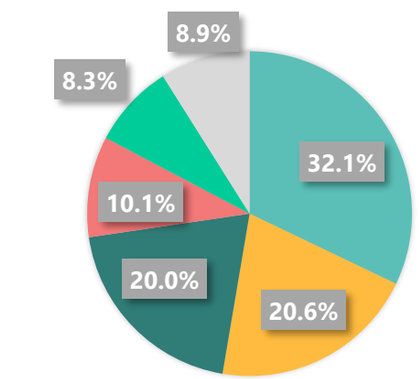


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

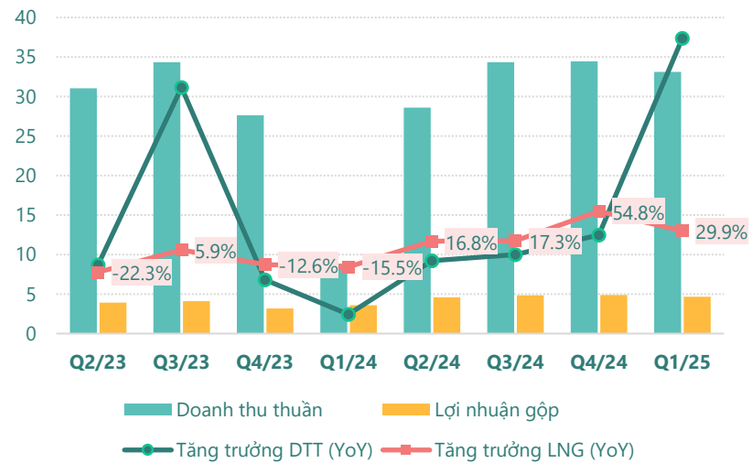


- Nguyễn Thị Hương Ngân
- Trần Bình Khơi
- Tổng Công ty Xây dựng Sài Gòn - TNHH MTV
- Hoàng Kiều Phong (Tổng giám đốc)
- Đỗ Thị Hiền Lương
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

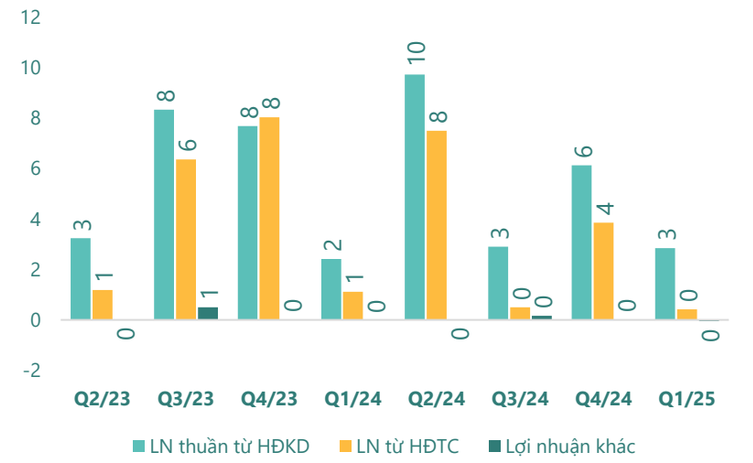
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



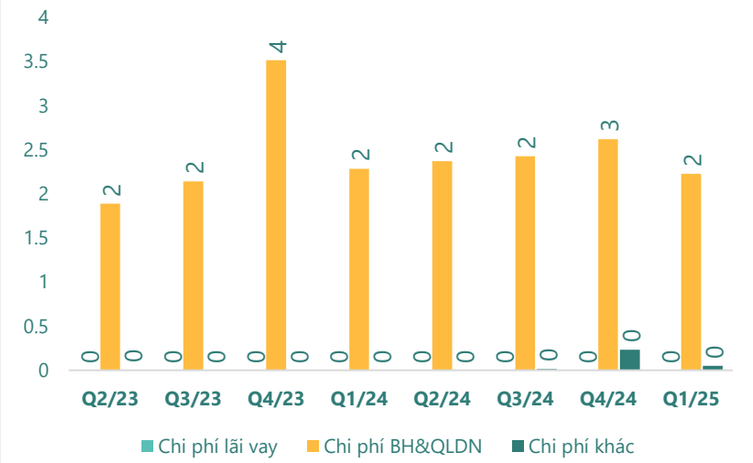
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



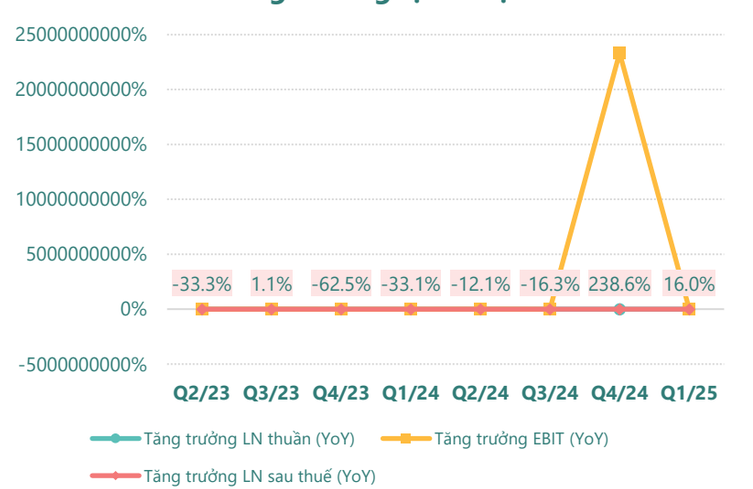
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



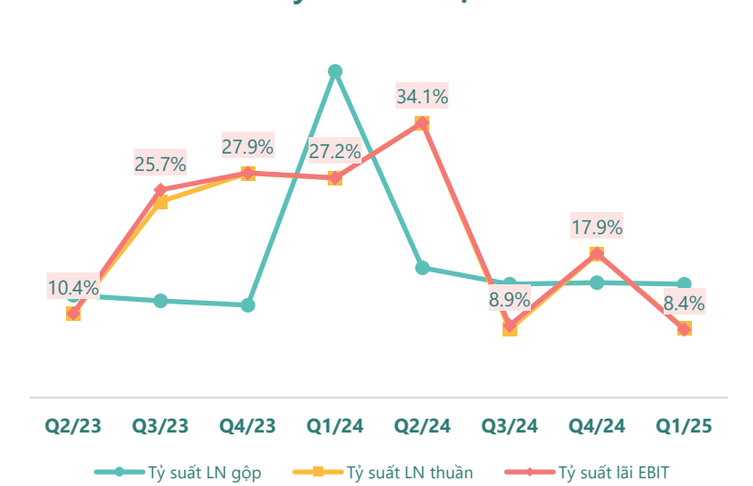
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



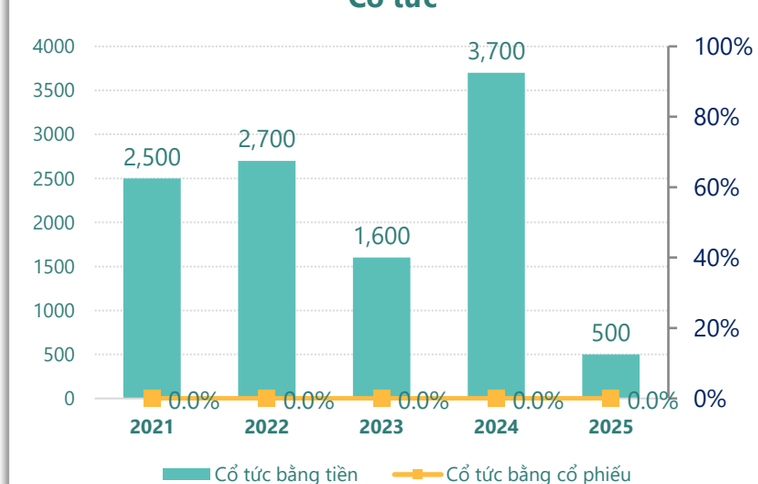
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

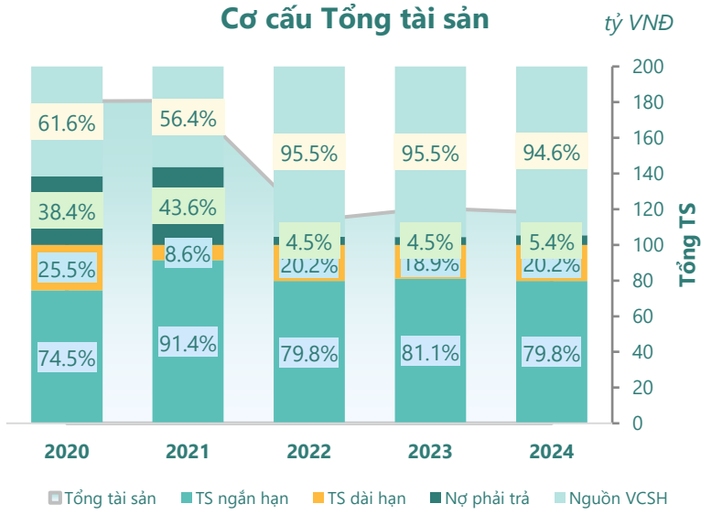
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

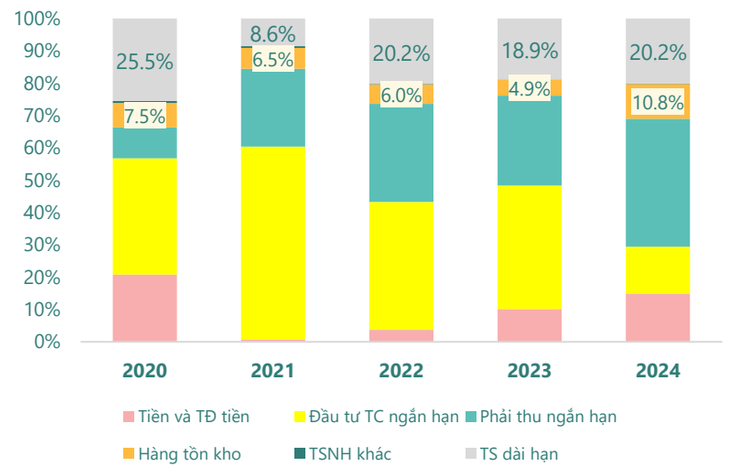
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



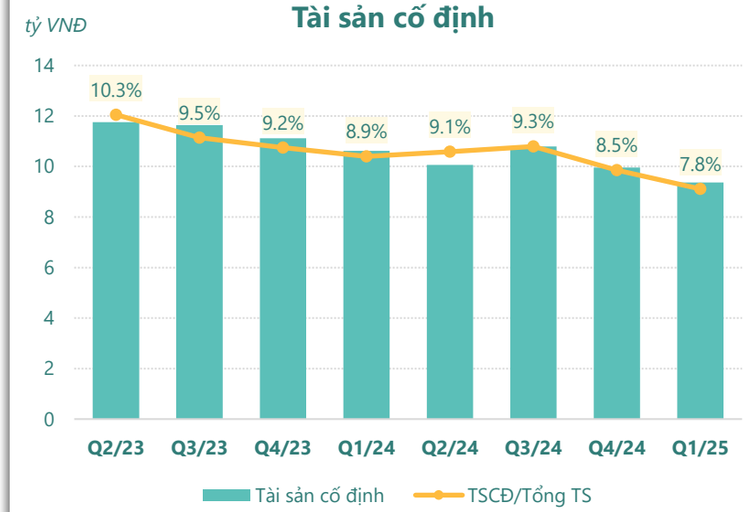
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



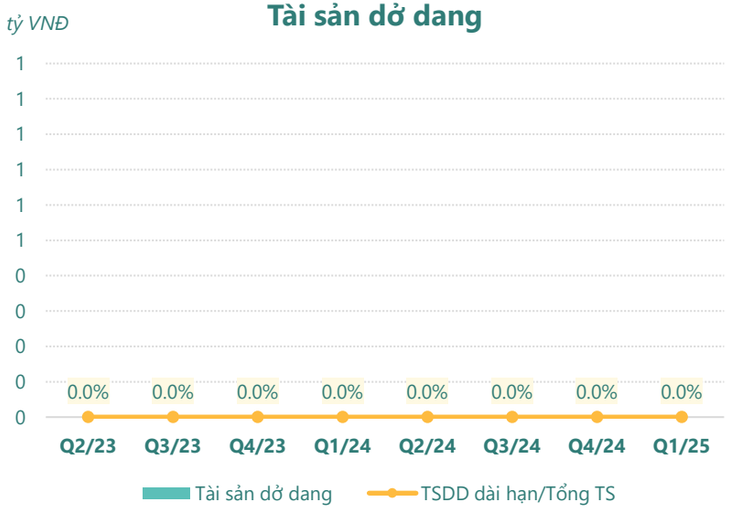
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



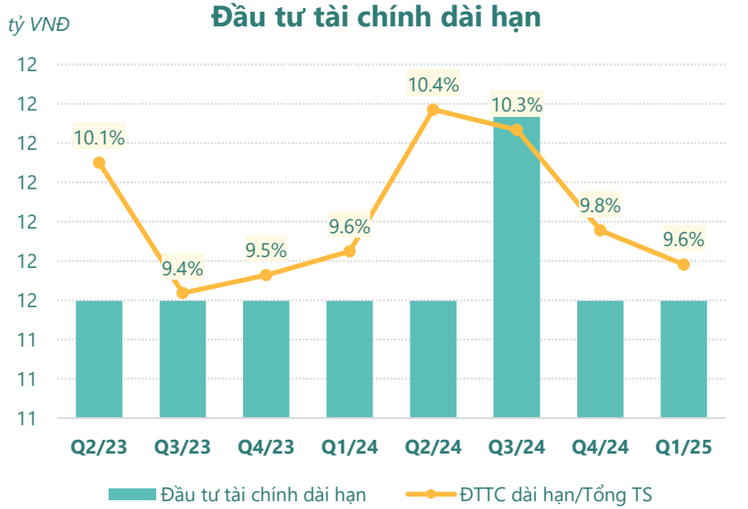
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



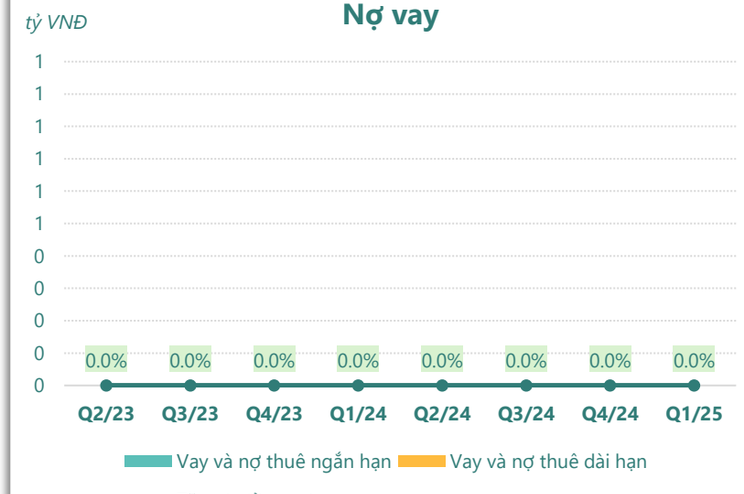
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

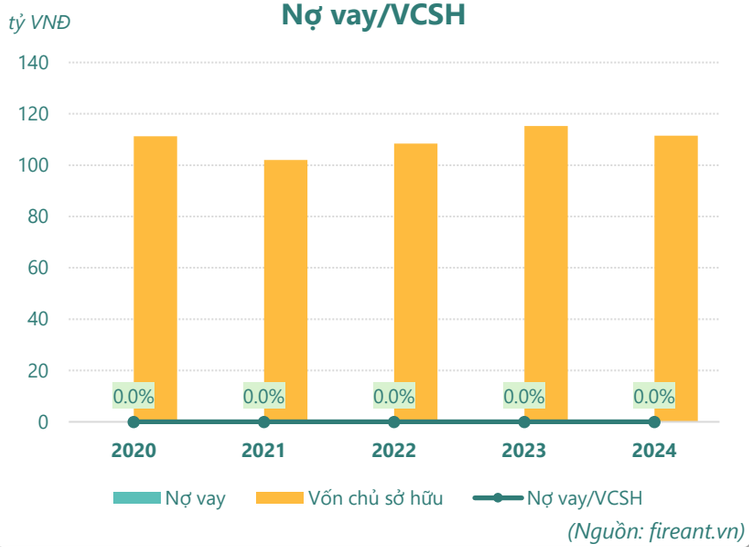
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

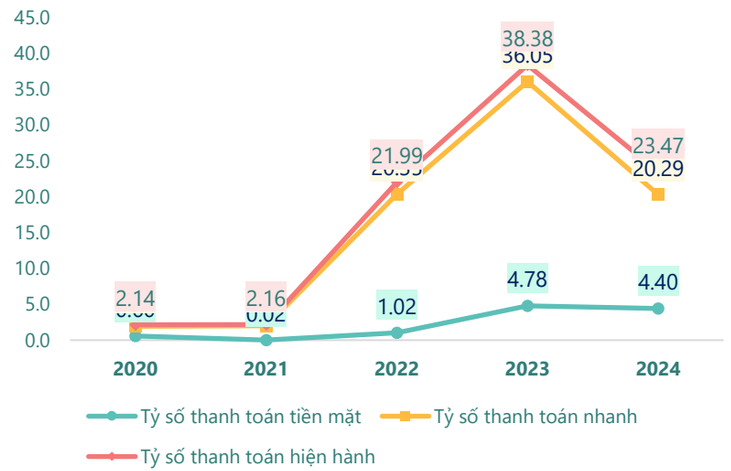
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



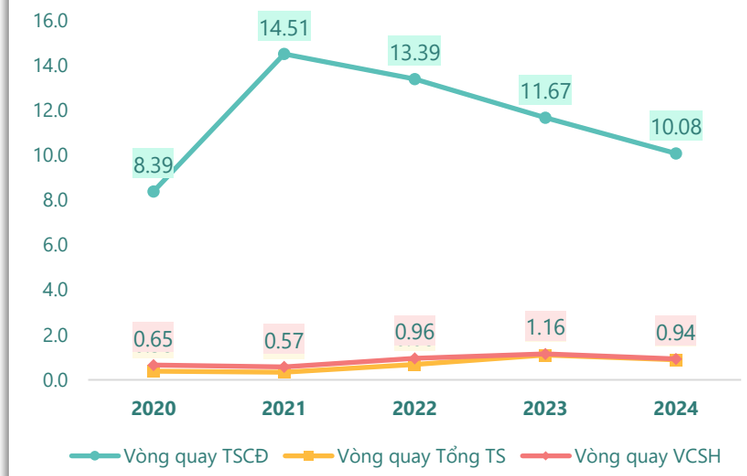
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



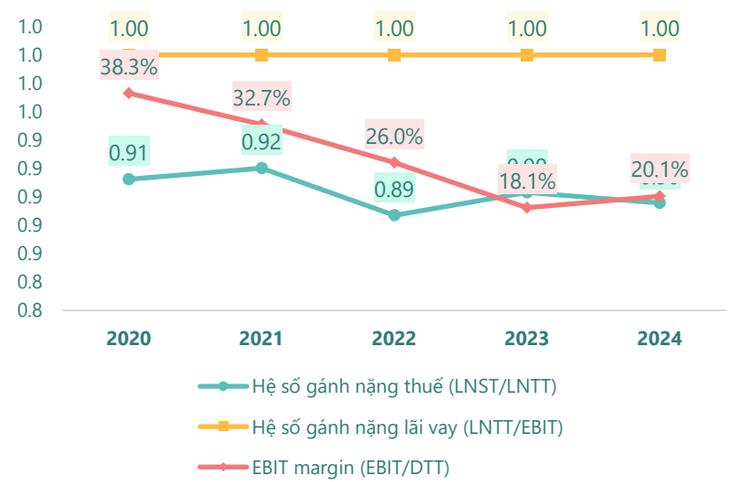
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



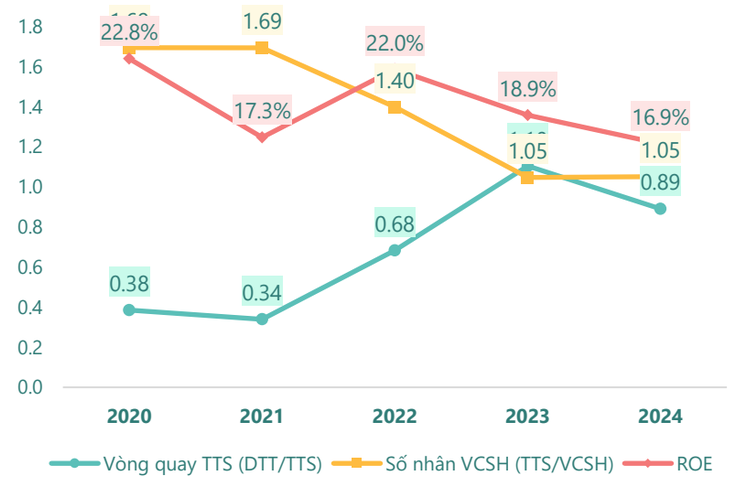
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



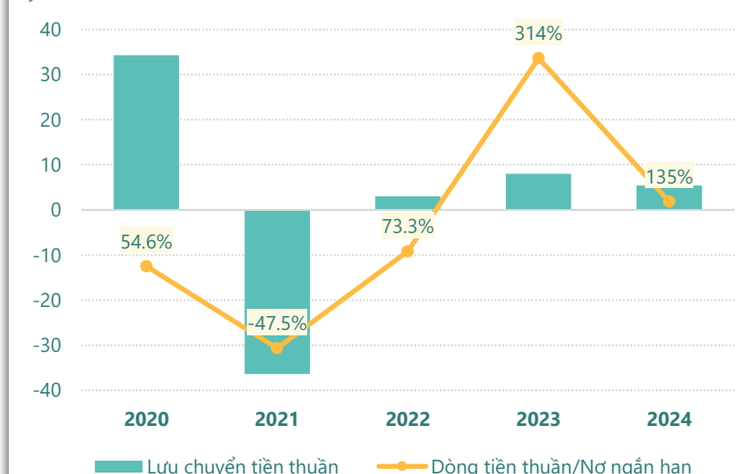
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**33.1**	**8.86**	**274%**	**106**	**129**	**-17.9%**
Giá vốn hàng bán	28.5	5.27	440%	88.3	114	-22.5%
Lợi nhuận gộp	4.65	3.58	30.0%	17.9	15.5	15.9%
Doanh thu HĐTC	0.42	1.11	-62.0%	13.0	16.6	-21.7%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.00	0.01	-92.8%	0.06	0.01	364%
Chi phí QLDN	**2.23**	**2.28**	**-2.3%**	**9.65**	**9.17**	**5.3%**
LN thuần từ HĐKD	2.85	2.41	18.1%	21.2	22.9	-7.4%
Lợi nhuận khác	**-0.05**	**0.00**		**0.18**	**0.51**	**-63.8%**
LN trước thuế	2.80	2.41	16.1%	21.4	23.4	-8.6%
Lợi nhuận sau thuế	**2.24**	**1.93**	**15.9%**	**19.1**	**21.1**	**-9.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.24**	**1.93**	**15.9%**	**19.1**	**21.1**	**-9.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.6	4.10	-20.4	3.02	4.84	3.33
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.35	14.6	31.3	-19.5	-5.88	-11.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.40	-5.60	-16.0	0	0	-8.00
Tiền đầu kỳ	1.64	12.2	25.3	20.1	3.67	17.6
Lưu chuyển tiền thuần	**10.6**	**13.1**	**-5.13**	**-16.4**	**-1.04**	**-15.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.2	25.3	20.1	3.67	2.63	1.99

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**120**	**118**	**1.8%**
Tài sản ngắn hạn	95.6	94.1	1.6%
Tiền và tương đương tiền	1.99	17.6	-88.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.4	17.0	67.1%
Phải thu ngắn hạn	47.9	46.6	2.9%
Hàng tồn kho	15.1	12.7	19.1%
Tài sản ngắn hạn khác	2.16	0.14	1409%
Tài sản dài hạn	**24.4**	**23.8**	**2.6%**
Phải thu dài hạn	0.43	0.45	-5.6%
Tài sản cố định	9.37	9.96	-5.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	1.62	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.5	11.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**3.07**	**0.23**	**1257%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	14.4	6.34	127%
Nợ ngắn hạn	**11.8**	**4.01**	**194%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	6.41	0	
Nợ dài hạn	2.61	2.33	11.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**106**	**112**	**-5.3%**
Vốn chủ sở hữu	**106**	**112**	**-5.3%**
Vốn điều lệ	80.0	80.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)